TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2017
V/v kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Trường Giang.

2. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Bình Trọng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc: "Kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2017/QDST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Xuân D. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành L. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đăk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Th. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Biết anh D muốn xin chuyển công tác cho vợ là Nguyễn Thị L từ huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước lên huyện P, tỉnh Đăk Nông nên anh Lê Thành L nhận lời giúp và hứa sẽ xin chuyển việc được cho chị L, đồng thời yêu cầu anh D đưa tiền để lo việc. Từ ngày 22/11/2013 đến ngày 14/01/2014 anh D đã đưa cho anh L tổng cộng 42.500.000đ trong nhiều lần, cụ thể: Ngày 22/11/2013 đưa 15.000.000đ tiền

mặt; ngày 17/12/2013 nhờ chị Phan Thị Th chuyển vào số tài khoản 5300205032843 của Nguyễn Đình S (bạn của anh L) 5.000.000đ; ngày 17/12/2013 nộp vào tài khoản của anh Nguyễn Đình S 5.000.000đ; ngày 23/12/2013 nhờ chị Phan Thị Th nộp vào số tài khoản 5300205138448 của anh L 5.000.000đ; ngày 07/01/2014 nhờ chị Th chuyển vào tài khoản của anh L 10.000.000đ. Ngày 14/01/2014 nhờ chị Th nộp vào tài khoản của anh L 2.500.000đ. Sau khi nhận số tiền trên, anh L không xin chuyển việc được cho chị L, anh D yêu cầu trả lại tiền nhưng anh L dây dưa và cố tình không trả nên anh D làm đơn tố cáo anh L. Ngày 03/9/2015 tại cơ quan Công an, anh L khai có nhận của anh D tổng số tiền là 42.500.000đ, đồng thời viết bản cam kết hoàn trả ngày 15/10/2015 nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do vậy anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L phải hoàn trả số tiền 42.500.000đ.

Anh D cho rằng số tiền mà chị Phan Thị Th nộp vào tài khoản của anh Nguyễn Đình S ngày 17/12/2013 và tài khoản của anh L trong các ngày 23/12/2013; 07/01/2014 và 14/01/2014 là tiền của anh. Trong vụ án này anh D không có yêu cầu gì đối với chị Th.

Bị đơn anh Lê Thành L đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ để anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh L vẫn không có mặt nên không có lời khai lưu tại hồ sơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Th trình bày:

Ngày 17/12/2013 chị Th nộp 5.000.000đ vào tài khoản 5300205032843 của Nguyễn Đình S. Ngoài ra còn nộp tiền vào tài khoản số 5300205138448 của anh L 03 lần, cụ thể: ngày 23/12/2013 nộp 5.000.000đ; ngày 07/01/2014 nộp 10.000.000đ và ngày 14/01/2014 nộp 2.500.000đ. Chị thừa nhận toàn bộ số tiền này là của anh D.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Xuân D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Thành L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 121, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Xuân D, buộc anh Lê Thành L phải trả cho anh D số tiền 42.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh D cho rằng anh L có nhận 42.500.000đ và hẹn ngày 15/10/2015 hoàn trả nhưng đến nay vẫn chưa trả nên anh D khởi kiện đòi lại số tiền trên. Anh L cư trú tại tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về kiện đòi lại tài sản, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Th và anh Lê Thành L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh D: Anh D cho rằng anh L có nhận số tiền 42.500.000 đồng để xin chuyển việc cho vợ anh là chị Nguyễn Thị L nhưng không được nên hẹn ngày 15/10/2015 trả lại cho anh D, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án anh D đã giao nộp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, có dấu xác nhận của Công an thị xã P. Ngoài ra, ngày 03/9/2015 anh L có viết giấy cam kết thừa nhận có nhận của anh D số tiền 42.500.000đ, hẹn trả ngày 15/10/2015. Xét thấy đây là những chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, xuất trình trong quá trình tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng minh và chứng cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định có việc anh L nhận của anh D số tiền 42.500.000 đồng, hiện tại chưa trả. Do vậy, yêu cầu của anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận.

Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 quy định:

"Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình thì phải trả lại tài sản đó…".

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh D được chấp nhận nên anh Luân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 121, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Xuân D.

Buộc anh Lê Thành L phải trả cho anh Phan Xuân D số tiền 42.500.000 đồng *(bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn).*

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.125.000 đồng *(hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn).* Anh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.065.000 đồng *(một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001573 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm